

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1219/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/11/2020

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, TP.HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Chính

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:**

Bà Bùi Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 943/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 728/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 602/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: 40C1 Khu phố T, huyện L, tỉnh B.

Tạm trú: tổ 4, ấp B, xã H, Thành phố B, tỉnh B.

2. Bị đơn: Ông Đinh Tiến D, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: 135/6A ấp 2, xã T, huyện H, Tp.HCM.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 11/7/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H đăng ký kết hôn với ông Đinh Tiến D tại UBND xã T, huyện H, Tp.HCM vào ngày 16/02/2001 (Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 16/02/2001). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, bà H và con về tỉnh B sống với cha mẹ ruột của bà H, còn ông D sống tại

huyện H, Tp.HCM. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình hai bên không hòa hợp nên giữa vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ, cảm thông. Thời gian đầu lúc bà Hồng về tỉnh B sinh sống, ông D có về sống chung với bà H và con. Tuy nhiên, từ năm 2011 ông D bỏ về Tp.HCM sinh sống và không sống chung với bà H từ đó đến nay, hiện nay ông D sống chung với ai bà H không biết. Trong thời gian vợ chồng không sống chung với nhau, ông D không qua lại chăm sóc vợ con. Hiện nay vợ chồng sống ly thân nhau gần 10 năm, không ai còn tình cảm với ai và mỗi người đều đã có cuộc sống riêng. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn ông D.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung là:

+ Đinh Nguyễn Trường H1, sinh ngày 21/9/2001 (đã trưởng thành)

+ Đinh Nguyễn Trường H2, sinh ngày 22/11/2007.

Hiện nay 02 con H1 và H2 đang sống chung với bà H tại tỉnh B. Trường hợp ly hôn bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H2, không yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Đinh Tiến D nên đây là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn Đinh Tiến D cư trú trên địa bàn huyện Hóc Môn, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.HCM thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Ông Đinh Tiến D (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[3] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa cho thấy Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định do Bộ Luật Tố tụng dân sự quy định. Bị đơn là ông Đinh Tiến D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đinh Tiến D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, Tp.HCM vào ngày 16/02/2001 (Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 16/02/2001), do vậy hôn nhân của bà H và ông D là hôn nhân hợp pháp. Nay bà H yêu cầu ly hôn ông D nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết.

Nguyên đơn cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau được 01 năm rồi sống ly thân một thời gian, sau đó vợ chồng có quay về sống chung với nhau để hàn gắn hạnh phúc gia đình, tuy nhiên do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình hai bên không hòa hợp, giữa vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ, cảm thông nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, hai bên không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Hiện nay bà H không biết ông D sống chung với ai, bản thân bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể cải thiện, bà H không thể tiếp tục sống chung vợ chồng với ông D. Phía ông D mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông D vắng mặt không lý do, điều đó thể hiện ông D không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy giữa bà H và ông D không ai có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, như vậy mâu thuẫn giữa bà H và ông D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: bà H và ông D có 02 con chung là cháu Đinh Nguyễn Trường H1, sinh ngày 21/9/2001 (đã trưởng thành) và cháu Đinh Nguyễn Trường H2, sinh ngày 22/11/2007. Hiện nay 02 con H1 và H2 đang sống chung với bà H tại tỉnh B. Bà H có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H2, không yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy hiện nay cháu H2 đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng và đang sống chung có đăng ký thường trú với bà H tại tỉnh B. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân nhau, ông D không có ý kiến gì đối với việc nuôi con của bà H. Tại Bản tự khai ngày 20/11/2019 cháu H2 có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do vậy, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của cháu H2, việc bà H yêu cầu trực tiếp nuôi trẻ H2 là phù hợp với lợi ích của con và có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, căn cứ

khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, cần giao trẻ H2 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi con, xét thấy việc không yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện nên tạm ngưng cấp dưỡng tiền nuôi con đối với ông D cho đến khi có đơn yêu cầu của bà H.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: không có.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đinh Tiến D.

2/. Về nuôi con chung: bà H và ông D có 02 con chung là:

+ Đinh Nguyễn Trường H1, sinh ngày 21/9/2001 (đã trưởng thành)

+ Đinh Nguyễn Trường H2, sinh ngày 22/11/2007.

2.1. Giao con chung là Đinh Nguyễn Trường H2, sinh ngày 22/11/2007 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Tạm ngưng cấp dưỡng tiền nuôi con đối với ông D cho đến khi bà H có đơn yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4/. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà H đã nộp theo biên lai số AA/2019/0004543 ngày 30/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5/. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã T, Huyện H;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Thanh**